

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày 15/01/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khánh Hồng

Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy V và ông Cao Khắc Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hồng Hương, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên và bà Nguyễn Thị Yến, Kiểm sát viên trung cấp, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (theo quyết định biệt phái số 46/QĐ – VKSTC ngày 29/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tối cao).

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2019/TLHS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo: Phan Quang H; (*Tên gọi khác: Không*); Sinh ngày 01 tháng 8 năm 1988 tại thành phố Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 1 phường CG, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Văn hóa: Lớp 12/12; Nghề nghiệp khi phạm tội: kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; Chức vụ đảng, đoàn thể: là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); Con ông: Phan Đình T, sinh năm 1956; Con bà : Võ Thị Mạnh H1, sinh năm: 1964; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị Lan H2, sinh năm 1988; có 1 con chung; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/7/2019 tại Trại giam T771, Bộ Quốc phòng. Hiện đã trích xuất về Trại tạm giam công an tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

***Người bào chữa cho bị cáo (do gia đình bị cáo mời):**

- Bà Nguyễn Thị T1 là luật sư thuộc văn phòng luật sư L1S, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng (có mặt).

- Ông Vũ Hồng T2 luật sư thuộc văn phòng luật sư L1S, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng (có văn bản xin xử vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Thế D, sinh năm 1988; Trú tại: Tổ dân phố X, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt)

2. Chị Dương Thị V, sinh năm 1993; Trú tại: Tổ dân phố X, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt)

Những người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990; Trú tại: Tổ dân phố C, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1989; Trú tại: Tổ dân phố X, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1986; Trú tại: Tổ dân phố C, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

4. Bà Hà Thị M, sinh năm 1965; Trú tại: Tổ dân phố C, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

5. Anh Bùi Ngọc T7, sinh năm 1994; Trú tại: Xóm TB, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

6. Anh Hoàng Xuân L, sinh năm 1989; Trú tại: Tổ 1, phường Mỏ Chè, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

7. Bà Hà Thị T3, sinh năm 1952; Trú tại: Tổ dân phố Đ2, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

8. Ông Hà Văn K, sinh năm 1955; Trú tại: Tổ dân phố Đ2, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

9. Bà Hà Thị M1, sinh năm 1962; Trú tại: Tổ dân phố X, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Quang H là Kiểm sát viên sơ cấp thuộc Viện kiểm sát nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên, được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát Điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án Hà Thị M cùng đồng phạm phạm tội “Đánh bạc”. Sau khi hồ sơ vụ án kết thúc giai đoạn Điều tra, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đề nghị truy tố, Phan Quang H đã triệu tập 05 bị can trong vụ án đến Viện Kiểm sát nhân dân thành phố SC để thực hiện việc phúc cung và giao nhận cáo trạng bằng hình thức gọi điện thoại qua số thuê bao di động 0962306262 của H sử dụng.

Ngày 12/10/2018, Phan Quang H đã gọi điện vào số điện thoại 0355777935 của bị can Nguyễn Thế D. H tự giới thiệu là Kiểm sát viên thụ lý,

giải quyết vụ án đánh bạc, yêu cầu bị can D xuống Viện Kiểm sát nhân dân thành phố SC để làm việc. Khoảng 14 giờ cùng ngày, khi bị can D đến Viện Kiểm sát nhân dân thành phố SC thì thấy các bị can khác trong vụ án cũng được gọi đến làm việc. Phan Quang H gọi từng người vào phòng để làm việc, khi làm việc với bị can D, Phan Quang H hỏi D muốn ở nhà hay đi tù, D nói muốn ở nhà và nhờ H lo giúp cho được hưởng án treo, H trả lời có thể giúp được. D hỏi H muốn ở nhà thì phải như thế nào (theo lời khai của D, thì H nói tùy vào Điều kiện gia đình, khoảng 30.000.000 đồng; còn Phan Quang H chỉ khai nhận có nói: tùy vào Điều kiện gia đình). D nói: để về thu xếp và ra về. Sau đó, D nghe thấy các bị can khác nói muốn hưởng án treo thì phải đưa cho H số tiền là 30.000.000 đồng nên đã về nhà bàn với vợ là Dương Thị V đến nhà ông Hà Văn K vay số tiền 10.000.000 đồng, vay của bà Hà Thị T3 03 chỉ vàng bán được số tiền hơn 7.000.000 đồng, vay của mẹ đẻ là bà Hà Thị M1 số tiền là 10.000.000 đồng, số tiền còn lại là của vợ chồng D, tổng số được 30 triệu đồng.

Khoảng 15 giờ ngày 25/10/2018, D đã đến phòng làm việc của Phan Quang H để số tiền 30.000.000 đồng trong phong bì, kẹp vào quyển vở học sinh cùng lá đơn xin cải tạo tại địa phương đưa cho H. H rút chiếc phong bì kẹp trong quyển vở ra cất tiền vào chiếc tủ sắt trong phòng làm việc, còn quyển vở học sinh trả lại cho D. H khai, có nhận số tiền 30.000.000 đồng để giúp D được hưởng án treo nhưng không nhớ ngày nào.

Đến khoảng hơn 17 giờ ngày 14/11/2018, D đến phòng làm việc của Phan Quang H để trao đổi về việc chạy án treo. Trước khi vào phòng làm việc của H, D đã dùng chiếc bút có chức năng quay video cài vào túi áo ngực và bật chế độ quay, đồng thời dùng máy điện thoại di động OPPO A37 bật chế độ quay để cùng chiếc bút quay tại túi áo ngực. Lúc này trong phòng làm việc chỉ có một mình Phan Quang H mặc trang phục ngành Kiểm sát, áo màu xanh, cộc tay, có đeo cấp hàm, cấp hiệu, biển tên Phan Quang H. Tại đây H trao đổi với D về khó khăn trong việc giúp D vì bên Tòa không đồng ý, sau đó H đã trả lại cho Nguyễn Thế D số tiền 15.000.000 đồng để D tự đi lo bên tòa, còn 15.000.000 đồng, H nói với D là để lo bên Viện kiểm sát.

Số tiền 15.000.000 đồng H nói “*để lo bên viện kiểm sát*” nhưng thực tế H đã sử dụng và chi tiêu cá nhân hết. Trước khi vụ án đưa ra xét xử, H có làm báo cáo đề xuất mức án, khung hình phạt cho Nguyễn Thế D được hưởng án treo. Đến ngày 15/11/2018 tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án Hà Thị M, với vai trò là Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, Phan Quang H đã đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Nguyễn Thế D từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án

treo. Tòa án nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử, tuyên phạt Nguyễn Thế D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Ngày 19/02/2019, Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận được đơn đề ngày 15/01/2019 của Nguyễn Thế D tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của Phan Quang H (kèm theo đơn là 01 USB có ghi lại sự việc nhận tiền giữa Nguyễn Thế D và Phan Quang H).

Quá trình Điều tra, Cơ quan Điều tra đã thu giữ của Nguyễn Thế D 01 USB chứa 01 file video Movi 008.avi ghi hình có âm thanh; 01 USB chứa 04 file video Movi 0014.avi, Movi 0015.avi, Movi 0021.avi, Movi 0023.avi ghi hình có âm thanh; 01 chiếc bút màu đen chứa 05 file video Movi0008.avi, Movi0014.avi, Movi0015.avi, Movi0021.avi, Movi0023.avi ghi hình có âm thanh; 01 chiếc điện thoại di động OPPO A37 (không lưu file ghi âm, ghi hình); 01 quyển vở học sinh (802). Thu giữ của bị cáo Phan Quang H 01 (một) bản Cáo trạng số 51/CT-VKSSC-TN ngày 29/10/2018; 01 (một) bản Báo cáo nghiên cứu tổng hợp ngày 25/10/2018; 01 (một) báo cáo kết quả thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm ngày 15/11/2018; 01 (một) báo cáo kết quả nghiên cứu vụ án ngày 08/11/2018.

Cơ quan Điều tra đã tiến hành thu mẫu giọng nói của bị cáo Phan Quang H, mẫu giọng nói của ông Nguyễn Thế D để làm mẫu so sánh để trưng cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, giám định cùng các file video chứa trong 02 (hai) USB và 01 chiếc bút màu đen mà ông Nguyễn Thế D giao nộp. Ngày 15/02/2018, Cơ quan Điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 05/VKSTC-C1(P2) gửi Viện Khoa học hình sự Bộ Công an; ngày 08/4/2019 và ngày 14/6/2019, Cơ quan Điều tra đã ra Quyết định trưng cầu bổ sung số 04/VKSTC-C1(P2), số 06/VKSTC-C1(P2) gửi Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

Tại Bản kết luận giám định số 32/C09-P6, ngày 03/4/2019, của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

“1. Không phát hiện dấu hiệu cắt, ghép trong file ghi hình có âm thanh A1 và A2;

2. Nội dung ghi âm trong mẫu A1 và A2 đã được dịch thành văn bản;

3. Tiếng nói của người nam giới được gọi là “anh” trong Mẫu A1 (ký hiệu “H” trong bản dịch nội dung mẫu cần giám định) và tiếng nói của Phan Quang H trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tiếng nói của người nam giới được gọi là “anh” trong mẫu A2 có chất lượng kém, không đủ điều kiện đưa ra kết luận giám định.

4. Tiếng nói của người nam giới xưng là “em” trong Mẫu A1, A2 (ký hiệu “D” trong Bản dịch nội dung mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Thế D trong mẫu so sánh là của cùng một người”.

5. Thời gian khởi tạo của file: “MOVI0008.avi” trong mẫu A1 và các file “MOVI0014.avi”, “MOVI0014.avi”, “MOVI0015.avi”, “MOVI0021.avi”, “MOVI0023.avi”, trong mẫu A2 được thể hiện trong thuộc tính của các file này là ngày 01/5/2016. Tuy nhiên thời gian khởi tạo của các file phụ thuộc vào độ chính xác của đồng hồ hệ thống ghi các file này.

6. Trường hợp thực tế mẫu A1 và A2 được ghi hình năm 2018 nhưng trên các file gửi giám định có hiển thị năm 2016 là do thời gian hiển thị trên màn hình phụ thuộc vào thời gian của đồng hồ hệ thống ghi hình chứ không phải thời gian ghi hình thực tế.

Kèm theo kết luận giám định: 01 bản dịch nội dung gồm 06 trang giấy A4.

Tại Bản kết luận giám định số 74/C09-P6, ngày 12/4/2019, của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

1. Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép trong 05 file video ghi mẫu cần giám định.

2. Nội dung ghi âm trong 05 file video ghi mẫu cần giám định trùng khớp với nội dung ghi âm trong 05 file video ghi mẫu so sánh”.

Tại bản kết luận giám định số 177/C09-P6, ngày 25/6/2019, của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

1. Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép trong 02 file video mẫu cần giám định A1 và A2.

2. Nội dung file video “MOVI0008.avi” trong mẫu A1 trùng khớp với nội dung file video “MOVI0008.avi” trong mẫu A2;

3. Nội dung ghi âm trong file video “MOVI0008.avi” từ 04 phút 12 giây đến hết file đã được dịch thành văn bản.

Tiếng nói của những người nam giới tham gia hội thoại trong mẫu A1 và A2 đã được trả lời trong Kết luận giám định số 32/C09-P6 ngày 03/4/2019 của Viện KHHS - Bộ Công an.

Kèm theo kết luận giám định: 01 bản dịch nội dung gồm 02 trang giấy A4.

Cơ quan Điều tra xác minh tại Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội (VIETTEL) đều thể hiện các cuộc gọi đi, gọi đến giữa số máy điện thoại 0962306262 của Phan Quang H và số máy điện thoại 0355777935 của Nguyễn Thế D.

Phan Quang H đã thừa nhận hành vi nhận số tiền 30.000.000 đồng của Nguyễn Thế D trong khoảng thời gian từ ngày 12/10/2018 đến ngày 31/10/2018, với mục đích để lo giúp ông D khi xét xử được hưởng án treo. Ngày 14/11/2018, bị cáo Phan Quang H đã trả lại cho D số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại 15.000.000 đồng H đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 17 tháng 10 năm 2019 và ngày 21 tháng 10 năm 2019, Phan Quang H đã nhờ Luật sư của mình tác động với gia đình trả nốt số tiền 15.000.000 đồng cho Nguyễn Thế D; Nguyễn Thế D đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phan Quang H.

Nguyễn Thế D còn khai về việc ngoài lần đưa cho H số tiền 30.000.000 đồng tại phòng làm việc của H thì trước khi xét xử, D đã đưa thêm cho H sáng ngày 15/11/2018 là 25.000.000 đồng và trưa ngày 15/11/2018 là 5.000.000 đồng để H lo giúp D được hưởng án treo. Tuy nhiên, Phan Quang H không thừa nhận lời khai này của Nguyễn Thế D. Đồng thời, tại Kết luận giám định số 32/C09-P6, ngày 03/4/2019, của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: *Tiếng nói của người nam giới được gọi là “anh” trong mẫu A2 có chất lượng kém, không đủ kiểu kiện đưa ra kết luận giám định.* Vì vậy không có đủ cơ sở xác định H nhận thêm số tiền này của D.

Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tiến Q, Nguyễn Văn Đ là những bị can trong vụ án “Đánh bạc” khai nhận Phan Quang H gọi từng người vào phòng làm việc điều ghi vào góc tờ giấy A4 chữ số “30tr”, “ 25” nên các bị can hiểu là 30 triệu và 25 triệu đồng để được hưởng án treo nhưng Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tiến Q nói không có tiền rồi ra về. Quá trình điều tra, H không thừa nhận các lời khai trên; qua đối chất các bên đều giữ nguyên quan điểm; ngoài lời khai về nội dung sự việc nêu trên thì Đ, Q và Đ không còn chứng cứ nào khác để chứng minh nên không đủ cơ sở để xác định H có hành vi đòi hối lộ.

Nguyễn Văn Đ khai: H hướng dẫn Đ về làm đơn xin cải tạo tại địa phương. Sau đó H có gọi điện và thông báo cho Đ xuống Viện kiểm sát nhân dân thành phố SC nhận cáo trạng. Tại đây, Đ kẹp phong bì bên trong có 20.000.000 đồng vào giữa bản cáo trạng đưa cho Phan Quang H, H cầm bản cáo trạng, rút phong bì ra và cho vào túi quần. Tuy nhiên, H không thừa nhận lời khai của Đ, tiến hành đối chất hai bên đều giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của Đ về việc đã đưa số tiền 20.000.000 đồng cho H, quá trình điều tra không có chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để kết luận về hành vi này.

Hành vi của Nguyễn Thế D có dấu hiệu của tội “Đưa hối lộ”, tuy nhiên, Nguyễn Thế D đã chủ động viết đơn tố cáo hành vi phạm tội của Phan Quang H, giao nộp các tài liệu chứng cứ và phối hợp với Cơ quan điều tra để làm rõ

nội dung vụ án. Căn cứ khoản 7 Điều 364 BLHS năm 2015, Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao không xử lý hình sự về hành vi này đối với Nguyễn Thế D là có căn cứ.

Tại bản cáo trạng số 101/CT – VKSTC – V6 ngày 29/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố Phan Quang H về tội “ Nhận hối lộ” theo điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên cáo trạng truy tố về tội danh đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Quang H phạm tội: “Nhận hối lộ”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 và khoản 5 Điều 354; điểm b, v, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Phan Quang H mức án từ 15 đến 18 tháng tù; Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ 5 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù;

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong. Tại phiên tòa hôm nay, anh D không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, 107 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với chiếc bút màu đen; 01 phong bì ghi mẫu so sánh và 2 chiếc USB là những vật chứng đồng thời cũng là chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chuyển các vật chứng nêu trên theo hồ sơ vụ án. Chiếc điện thoại OPPO A37 cần trả cho anh D sử dụng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, v, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo không tranh luận gì, nhất trí với lời bào chữa của vị luật sư. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên cơ quan cảnh sát Điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Tối cao trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đúng pháp luật.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Phan Quang H là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các

tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Phan Quang H (là Kiểm sát viên sơ cấp thuộc Viện kiểm sát nhân dân thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên) là người được lãnh đạo phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát Điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án Hà Thị M cùng đồng phạm về tội “Đánh bạc”. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, lợi dụng chức vụ và quyền hạn được giao, ngày 25/10/2018 Phan Quang H đã có hành vi nhận số tiền 30.000.000 đồng của Nguyễn Thế D, trú tại tổ dân phố X, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên là bị can trong vụ án trên để giúp cho Nguyễn Thế D được hưởng án treo.

Với hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn để nhận 30.000.000đ của Nguyễn Thế D trong quá trình giải quyết vụ án như đã nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố Phan Quang H về tội: “ Nhận hối lộ” theo điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều luật như sau:

Điều 354. Tội nhận hối lộ

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động đúng đắn và uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật làm giảm lòng tin của nhân dân, gây ảnh hưởng tiêu cực trong đời sống xã hội. Vì vậy cần phải được xét xử nghiêm minh để đảm bảo tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình Điều tra đã tác động đến gia đình để bồi thường hết số tiền đã chiếm đoạt và đã được anh D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong quá trình công tác, bị cáo đã có thành tích xuất sắc trong 2 năm 2015 và 2018 và đã được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tặng Bằng khen; bị cáo có bố để được nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương. Tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành

khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,v, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 2 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy khi lượng hình, cần mở lượng khoan hồng, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của vị luật sư tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với quy định của pháp luật;

[5] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án, anh D và chị V yêu cầu bị cáo phải trả cho gia đình anh chị số tiền là 45 triệu đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bản thân anh D và thay mặt cho chị V (đã được chị V ủy quyền tại bút lục 726) không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng vụ án được xử lý theo Điều 106, 107 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

Đối với chiếc bút màu đen; 01 phong bì ghi mẫu số sánh và 2 chiếc USB là những vật chứng đồng thời cũng là những tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần chuyển theo hồ sơ vụ án. Chiếc điện thoại OPPO A37 cần trả cho anh D quản lý sử dụng.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của vị luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Phan Quang H phạm tội: “ Nhận hối lộ”.

1. Áp dụng điểm a khoản 1 và khoản 5 Điều 354; điểm b,v, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Phan Quang H 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2019; Cấm bị cáo H đảm nhiệm chức vụ với thời hạn 5 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù; Miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong trong quá trình Điều tra. Tại phiên tòa hôm nay, bản thân anh D và thay mặt cho chị V (đã được chị V ủy quyền tại bút lục 726) không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; các Điều 106, 107 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*Chuyển theo hồ sơ vụ án gồm:

- 01 (một) phong bì của Tổng cục cảnh sát Bộ công an dán kín; ở mặt trước, phần “Số” có ghi “177/C09-p6”, phần “Kính gửi” có ghi “01 chiếc bút

màu đen”; ở mặt sau có dấu niêm phong của Viện khoa học hình sự, Bộ công an và chữ ký giáp lai của ông Đinh Công V3 – Điều tra viên Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và bà Nguyễn Thị H5 – Giám định viên, Viện khoa học hình sự, Bộ Công an.

- 01 (một) phong bì của Tổng cục cảnh sát Bộ công an dán kín; ở mặt trước, phần “Số” có ghi “177/C09-p6”, phần “Kính gửi” có ghi “01 USB”; ở mặt sau có dấu niêm phong của Viện khoa học hình sự, Bộ công an và chữ ký giáp lai của ông Đinh Công V3 – Điều tra viên Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và bà Nguyễn Thị H5 – Giám định viên, Viện khoa học hình sự, Bộ Công an.

- 01 (một) phong bì của Tổng cục cảnh sát Bộ công an dán kín; ở mặt trước, phần “Kính gửi” có ghi “01 (một) USB Kingston, màu bạc, có ghi DTSE9”; ở mặt sau có chữ ký giáp lai của ông Đinh Công V3 – Điều tra viên Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và ông Đặng Kim T5 – Cán bộ, Viện khoa học hình sự, Bộ Công an.

- 01 (một) phong bì của Tổng cục cảnh sát Bộ công an dán kín; ở mặt trước, phần “Số” có ghi “32/C09-p6”, phần “Kính gửi” có ghi “Mẫu so sánh”; ở mặt sau có chữ ký giáp lai của ông Đinh Công V3 – Điều tra viên Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và bà Nguyễn Thị H5 – Giám định viên, Viện khoa học hình sự, Bộ Công an.

* Trả cho Nguyễn Thế D 01 chiếc điện thoại OPPO A37 đựng trong 01 (một) phong bì của Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao dán kín; ở mặt trước phần “Kính gửi” có ghi “Điện thoại OPPO A37”; ở mặt sau có chữ ký giáp lai của ông Đinh Công V3 – Điều tra viên Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và ông Bùi Quang Đ4 – Cán bộ Điều tra Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, ông Dương Quang H7 và ông Nguyễn Thế D.

(Vật chứng nêu trên hiện đang ở kho của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên bản về việc giao nhận vật chứng số 15 ngày 02/12/2019).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Phan Quang H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh D); báo cho những người này biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án (chị Dương Thị V) vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, Hà Nội
- VKSND cấp cao, Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- THAHS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh TN;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án và Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Khánh Hồng